

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H.T
TỈNH T.N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2020

V/v “*Tranh chấp về ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H.T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Ngọc Trâm

2. Ông Lê Huỳnh Hải Đăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H.T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H.T, tỉnh T.N: Bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H.T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 892/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Chị T.K.L, sinh năm 1975; Trú tại địa chỉ: Số 1, ấp B.K, xã L.T.N, thị xã H.T, tỉnh T.N.***

**** Bị đơn: Anh P.T.T, sinh năm 1974; Trú tại địa chỉ: Số 1, ấp B.K, xã L.T.N, thị xã H.T, tỉnh T.N.***

Chị L có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2019, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị T.K.L trình bày:

Chị và anh P.T.T chung sống vợ chồng vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu, về nhà đánh chị, anh T sống không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tuy còn sống chung nhà nhưng không còn quan hệ vợ chồng. Xét tình tình cảm vợ chồng không còn nên chị T.K.L yêu cầu được ly hôn với anh P.T.T.

Về con chung: Có 01 con tên Phan Thanh Thiện, sinh năm 1997 (đã thành niên).

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh P.T.T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H.T phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi vào nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về người tham gia tố tụng, chị L có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt.

Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị T.K.L và anh P.T.T là vợ chồng. Về con chung: Phan Thanh Thiện (đã thành niên). Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị T.K.L có đơn xin vắng mặt, anh P.T.T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên Tòa án áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[2] Về nội dung:

Xét thấy, chị T.K.L và anh P.T.T chung sống vợ chồng từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn, mặc dù anh, chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ vợ chồng của anh, chị vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên anh, chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 01 con tên Phan Thanh Thiện, sinh năm 1997 (đã thành niên) nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. **Tuyên bố:** Không công nhận quan hệ giữa chị T.K.L và anh P.T.T là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con tên Phan Thanh Thiện, sinh năm 1997 (đã thành niên) nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có, nên không đặt ra giải

quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T.K.L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008327, ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.T (nay là thị xã H.T), tỉnh T.N, chị L đã nộp xong án phí.

Báo cho chị L biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T.N trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T.N;
- VKSND thị xã H.T;
- CC.THADS thị xã H.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

VÕ THÀNH DIỆP